

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1991; HKTT: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Uông Minh T, sinh năm 1989; HKTT: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 10/6/2021, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 08/4/2011. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021, thì

phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hai bên đã sống ly thân từ tháng cuối tháng 6/2021 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà L làm đơn xin được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Ông Ngọc Bảo H, sinh ngày 24/9/2011 và Ông Đỗ Gia M, sinh ngày 21/6/2015. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.400.000 đồng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà L thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng) cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà L giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 10/6/2021; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh của con chung.

Ngoài ra, bà L không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** Bị đơn ông T:**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt để ông T tham gia tố tụng nhưng ông T cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông T.

*** Quá trình tiến hành tố tụng, ý kiến của con chung Ông Ngọc Bảo H:** Nếu ba mẹ ly hôn thì em muốn ở với mẹ là bà Thị Đỗ Thị L.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:** Ngày 06/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại nhà bà Nguyễn Thị C (mẹ ông T), xác định: Ông T và bà L là vợ chồng sinh sống cùng nhà với bà. Thời gian đầu, sống chung hạnh phúc, đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp nhau, ông T thì hay đi chơi, không lo làm ăn. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2021. Công việc của ông T là cạo mũ cao su cho bà C, còn bà L thì làm công nhân cạo mũ, lương tháng là khoảng 5.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà L, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông T, ông T có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 10/6/2021, bà L khởi kiện ly hôn với ông T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ông Ngọc Bảo H và Ông Đỗ Gia M, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.400.000 đồng; không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Quá trình tố tụng, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/hai con. Ông T không hợp tác, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P vào ngày 08/4/2011. Hôn nhân giữa bà L và ông T đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau, ông T lại không lo làm ăn, hay đi chơi; hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ tháng 07/2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T cố tình vắng mặt, điều này thể hiện ông không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà L và ông T có 02 con chung tên Ông Ngọc Bảo H, sinh ngày 24/9/2011 và Ông Đỗ Gia M, sinh ngày 21/6/2015. Bà L yêu cầu được nuôi hai con chung và cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Ông Đỗ Gia M hiện đang ở với mẹ và được chăm sóc tốt, bà L có công việc và thu nhập ổn định nên việc giao cháu M cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung từ 1.400.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay, ông T làm nghề cạo mủ cao su cho mẹ ruột, có sức khỏe ổn định. Căn cứ vào tình hình thực tế với mức sống T bình tại địa phương thì mức cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng kinh tế của ông T nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Đỗ Thị L đối với ông Uông Minh T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Uông Minh T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Đỗ Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Uông Ngọc Bảo H, sinh ngày 24/9/2011 và Uông Đỗ Gia M, sinh ngày 21/6/2015 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Uông Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), mỗi con 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 12/2021.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đỗ Thị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Bà Đỗ Thị L phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0057960 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Ông Ưông Minh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 16/11/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

